

## **Lê Uy Mục (Lê Tuấn,1505-1509)**

Lê Uy Mục tên huý là Tuấn, sinh ngày 5 tháng 5 năm 1488, mẹ là Chiêu Nhân Hoàng Thái hậu Nguyễn Thị Cận, người làng Phù Chấn, huyện Đông Ngàn, Bắc Giang, lên ngôi vua ngày 22 tháng 1 năm 1505.

Lê Uy Mục từ khi lên ngôi vua ham rượu chè, gái đẹp, thích giết người, tin dùng người họ mẹ. Sự tàn bạo quá đáng của Lê Uy Mục đã gây bất bình trong dân chúng và triều thần.

Tháng 11 năm 1509, Giản Tu Công Oanh tự xưng là Cẩm Giang Vương ở Tây Đô (Thanh Hoá) đưa quân về chiếm Đông Kinh (Hà Nội) bắt được và bức Lê Uy Mục tự tử tháng 12/1509.

Lê Uy Mục ở ngôi được 4 năm, thọ 22 tuổi.



**Lê Văn Duyệt (Quý Mùi 1763 – Nhâm Thìn 1832)**

Lê Văn Duyệt (Quý Mùi 1763 – Nhâm Thìn 1832)

Danh tướng công thần bậc nhất /của triều Nguyễn, quê gốc Bồ Đề ( Mộ Đức, Quảng Ngãi). Từ đời ông nội di cư vào Nam, ngụ ở làng Hoà Khánh (gần Vàm Trà Lọt), tỉnh Định Tường. Sang đời thân phụ ông là Lê Văn Hiếu dời đến sinh sống ở Rạch Gầm thuộc tổng Long Hưng, Mỹ Tho, cũng trong tỉnh Định Tường (nay là Tiền Giang).

Từ 1780, đi theo Nguyễn Ánh, hết lòng phò tá cho việc khôi phục cơ đồ chúa Nguyễn, lập nhiều chiến công, đặc biệt là các trận thắng Tây Sơn ở Thị Nại (1800), rồi ở Phú Xuân (1801). Năm 1802, cùng Lê Chất ra thu phục Bắc Hà, sau về làm kinh lược vùng Thanh - Nghệ. Từ 1813, vào Nam làm tổng trấn Gia Định thành; đến năm 1816 được triệu về Huế; năm 1820, lại trở vào Nam làm tổng trấn Gia Định thành lần thứ hai cho đến khi mất (1832)

Lê Văn Duyệt còn là một nhà chính trị xuất sắc. Ông giữ vững bờ cõi Miền Nam, phát huy ảnh hưởng và uy thế của nước nhà ra các nước láng giềng như Xiêm La (Thái Lan), nhất là Chân Lạp (Cămpuchia). Ông cũng ứng xử khéo léo với những người ngoại quốc phương Tây đến buôn bán ở Gia Định. Về đối nội, ông mở mang đồn điền, đắp đường xây lũy, tổ chức đào kênh, khai hoang lập ấp, thực hiện tốt chính sách trị an. Được triều đình phong là khâm sai chương tả quân dinh, tổng trấn, nhưng nhân dân gọi ông một cách kính trọng là Thượng Công.

Lê Văn Duyệt là người cương trực, ghét xu nịnh. Ông kết án tử hình một viên quan tham nhũng, hống hách tàn bạo với nhân dân là Huỳnh Công Lý, mặc dù người này có con gái là vợ vua Minh Mạng. Bị Minh Mạng ghét vì chống việc lên ngôi và một số chính sách của Minh Mạng.

Khi ông mất, Minh Mạng đã viện nhiều cớ để lập bản án nghiệt ngã đối với ông. Cùng với việc trừng trị nặng nề Lê Văn Khôi (con nuôi của ông và là thủ lĩnh khởi nghĩa đánh thành Gia Định), nhà vua đã bắt tội nhiều người thân của Lê Văn Duyệt, cho san phẳng mộ ông.

Dưới triều Tự Đức, ông được minh oan, mộ và đền thờ được xây lại. Mộ và nơi thờ hiện nay được nhân dân tôn xưng là Lăng Ông hoặc Lăng Ông Bà Chiểu, nằm tại xã Bình Hoà thành phố Hồ Chí Minh.

### **Lê Văn Hưu (Canh Dần 1230 – Nhâm Tuất 1322)**

Lê Văn Hưu (Canh Dần 1230 – Nhâm Tuất 1322)

Danh sĩ, sử gia đời Trần Thái tông, quê xã Phủ Lí, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn Phủ Lí Trung, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

Năm Đinh mùi 1247 ông đỗ Bảng nhãn, 17 tuổi làm pháp quan, giữ việc hình luật, rồi làm đến Thượng thư bộ Binh, tước Nhân Uyển Hầu.

Đến đời Thánh tông, ông sung chức Học sĩ Viện Hàn lâm, kiêm Tu viện Quốc sử, phụng chỉ soạn bộ Đại Việt sử kí. Sách soạn xong trong năm Nhâm Thìn 1272, gồm 30 quyển, chép từ đời triệu võ đế đến đời Lý Chiêu hoàng. Bộ sử này đã được vua Trần Thánh tông ban chiếu khen thưởng tác giả đã giầy công biên soạn.

Ngoài ra ông cũng là thầy dạy học của Thượng tướng Trần Quang Khải... Tính ông thích du ngoạn, xem xét hình thể núi sông, lưu tâm nghiên cứu về môn địa lí.

Thời gian này ông giữ chức pháp quan, trông coi việc hình luật, rồi thăng Thượng thư bộ Binh, tước Nhân Uyên hầu, sung Hàn lâm học sĩ kiêm Quốc sử viện giám tu, được vua giao cho việc soạn bộ Đại Việt Sử kí như vừa nói ở trên.

Năm Nhâm Tuất 1322, ngày 23-3 Âm lịch (9-4-1322) ông qua đời, thọ 92 tuổi.